Chi tiết mã HS 8704.32.93

Mã HS	8704.32.93
Mô tả hàng hóa	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 45 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Ô tô tải đông lạnh (1)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 10:26:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/87043293/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17200
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17200
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17200
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E16510
ATIGA	2022	2022	0	AT!E16439
ATIGA	2023	2023	0	AT!F16439
ATIGA	2024	2024	0	AT!G16439
ATIGA	2025	2025	0	AT!H16439
ATIGA	2026	2026	0	AT!I16439
ATIGA	2027	2027	0	AT!J16439
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E16495
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F16495
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G16495

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H16495
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I16495
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J16495
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E16496
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F16496
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G16496
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H16496
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I16496
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J16496
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AK!F16497
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H16456
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F16453
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G16453
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H16453
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I16453
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J16453
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K16453
VKFTA	2022	2022	0	VK!E16493
VKFTA	2023	2023	0	VK!F16493
VKFTA	2024	2024	0	VK!G16493
VKFTA	2025	2025	0	VK!H16493
VKFTA	2026	2026	0	VK!I16493
VKFTA	2027	2027	0	VK!J16493
VCFTA	2022	2022	0	VC!D16555
VCFTA	2023	2023	0	VC!E16555
VCFTA	2024	2024	0	VC!F16555

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G16555
VCFTA	2026	2026	0	VC!H16555
VCFTA	2027	2027	0	VC!I16555
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D16529
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E16529
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F16529
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G16529
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H16529
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I16529
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D16532
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E16532
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F16532
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G16532
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H16532
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I16532
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D16550
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E16550
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F16550
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G16550
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H16550
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I16550
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D16549
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E16549
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F16549
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G16549
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H16549

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I16549
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D16534
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E16534
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F16534
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G16534
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H16534
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I16534
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J16534
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D16520
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E16520
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F16520
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G16520
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H16520
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I16520
RCEP B	2022	2022	0	B!D16520
RCEP B	2023	2023	0	B!E16520
RCEP B	2024	2024	0	B!F16520
RCEP B	2025	2025	0	B!G16520
RCEP B	2026	2026	0	B!H16520
RCEP B	2027	2027	0	B!I16520
RCEP C	2022	2022	0	C!D16520
RCEP C	2023	2023	0	C!E16520
RCEP C	2024	2024	0	C!F16520
RCEP C	2025	2025	0	C!G16520
RCEP C	2026	2026	0	C!H16520
RCEP C	2027	2027	0	C!I16520

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D16519
RCEP D	2023	2023	0	D!E16519
RCEP D	2024	2024	0	D!F16519
RCEP D	2025	2025	0	D!G16519
RCEP D	2026	2026	0	D!H16519
RCEP D	2027	2027	0	D!I16519
RCEP E	2022	2022	0	E!D16523
RCEP E	2023	2023	0	E!E16523
RCEP E	2024	2024	0	E!F16523
RCEP E	2025	2025	0	E!G16523
RCEP E	2026	2026	0	E!H16523
RCEP E	2027	2027	0	E!I16523
RCEP F	2022	2022	0	F!D16520
RCEP F	2023	2023	0	F!E16520
RCEP F	2024	2024	0	F!F16520
RCEP F	2025	2025	0	F!G16520
RCEP F	2026	2026	0	F!H16520
RCEP F	2027	2027	0	F!I16520
VIFTA	2024	2024	0	VI!F15469
VIFTA	2025	2025	0	VI!G15469
VIFTA	2026	2026	0	VI!H15469
VIFTA	2027	2027	0	VI!I15469

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT trước TQ (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HHNK phải chứng nhận trước khi thông quan (12/2022/TT-BGTVT PL1)		12/2022/TT-BGTVT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AANZFTA 5%, ACFTA 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (0%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 0%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8704.32 có 43 dòng thuế; dòng 8704.32.93 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Ô tô tải đông lạnh (1).	8704.32.11 Ô tô tải đông lạnh (1); 8704.32.19 Loại khác; 8704.32.21 Ô tô tải đông lạnh (1); 8704.32.22 Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải; 8704.32.23 Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bồn; 8704.32.24 Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8704.32.93. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8704.32.93 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17200), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HHNK phải chứng nhận trước khi thông quan (12/2022/TT-BGTVT PL1)
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT trước TQ (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.